

Số: 01/2020/QĐST- DS

Yên Mô, ngày 21 tháng 2 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2019

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Y- sinh năm 1939;

Trú tại: xóm 1, thôn H, xã Yc huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Y: Ông Bùi Văn T1 – Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Dư và cộng sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị Y: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Văn phòng luật sư Đặng Dư và cộng sự.

Bị đơn: Anh Vũ Xuân T - sinh năm 1973.

Trú tại: xóm 1, thôn H, xã Yc huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị H– sinh năm 1951; Trú tại: Xóm 2, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Chị Vũ Thị A – sinh năm 1972; Trú tại Xóm 1, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Chị Vũ Thị T2 – sinh năm 1976; trú tại tổ 13 – thị trấn P – huyện P, tỉnh Gia Lai.

4. Chị Vũ Thị S – sinh năm 1980; trú tại: Xóm 12, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

5. Chị Vũ Thị X – sinh năm ; trú tại: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

6. Chị Vũ Thị T3 – sinh năm; trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai.

7. Chị Vũ Thị T4 – sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai.

8. Vợ chồng ông Vũ Xuân P, bà Hoàng Thị T5; Trú tại: Xóm 1, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

9. Vợ chồng ông Phạm Quang S; Trú tại: Xóm 1, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị T2, chị S, chị X, chị T3, chị T4 là: Anh Vũ Xuân T – sinh năm 1973 (là bị đơn trong vụ án).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thời điểm mở thừa kế: Cụ Vũ Xuất B chết – năm 1988, cụ Phạm Thị Th chết năm 1987.

2.2. Di sản thừa kế : Di sản thừa kế của cụ Vũ Xuân B, Phạm Thị Th để lại gồm 550m² đất tại xóm 1 thôn H, xã Y.

Công trình coi bảo quản, tôn tạo di sản của anh T, chị A là giá trị quyền sử dụng diện tích đất anh T, chị A đã bán cho ông P diện tích 125m² đất vào năm 1993, bán cho ông S diện tích 45m² vào năm 1995.

Di sản thừa kế còn lại để chia thừa kế là diện tích đất hiện nay là 328,6m² tại thửa số 134 tờ bản đồ số 18, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong đó: đất thổ cư là 244,7m²; đất vườn là 83,9m².

2.3. Hàng thừa kế thứ nhất gồm:

Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Y và các con của ông Vũ Xuân H gồm anh Vũ Xuân T, chị Vũ Thị T2, chị Vũ Thị S, chị Vũ Thị X, chị Vũ Thị T3, chị Vũ Thị T4.

Bà Vũ Thị H, chị Vũ Thị T2, chị Vũ Thị S, chị Vũ Thị X, chị Vũ Thị T3, chị Vũ Thị T4 nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho anh Vũ Xuân T để làm nơi thờ cúng.

Bà Vũ Thị Y nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho chị Vũ Thị Avà các con chị A gồm cháu Vũ Xuân Tr, cháu Vũ Xuân C và cháu Vũ Xuân T5.

Bà Vũ Thị Y nhất trí nhận di sản thừa kế của cụ B, cụ Th bằng giá trị.

2.4. Về phân chia di sản thừa kế:

- Anh Vũ Xuân T được quyền sử dụng diện tích 328,6m² đất tại thửa số 134 tờ bản đồ số 18, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Trong đó: đất thổ cư là 244,7m²; đất vườn là 83,9 m²) có giá trị là 1.699.021.000đ (một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu không trăm hai một ngàn đồng).

Anh Vũ Xuân T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Vũ Thị Y số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Bà Vũ Thị Y đồng ý cho kỹ phần thừa kế của mình cho chị Vũ Thị A, cháu là Vũ Xuân C, cháu Vũ Xuân Tr và cháu Vũ Xuân T5 nên chị A, cháu C, cháu Tr, cháu T5 được nhận số tiền anh Vũ Xuân T thanh toán là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Ngày 21/2/2020 anh Vũ Xuân T đã thanh toán xong số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) cho chị Vũ Thị A, cháu Vũ Xuân C, cháu Vũ Xuân Tr và cháu Vũ Xuân T do chị Vũ Thị A đại diện nhận thay. (Có biên bản kèm theo).

- Tài sản là ngôi nhà 2 tầng trên diện tích đất 328,6m² (di sản thừa kế của cụ B, cụ Th) là tài sản chung của vợ chồng anh Vũ Xuân T và chị Vũ Thị A có tổng giá trị là 1.550.307.000đ (một tỷ năm trăm năm mươi triệu ba trăm linh bảy triệu đồng) được giải quyết trong vụ án ly hôn giữa anh Vũ Xuân T, chị Vũ Thị A.

2.5. Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá

Tổng số tiền chi phí thẩm định giá và thẩm định tại chỗ là 15.350.000đ (Mười lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), chị Vũ Thị A đã thanh toán.

- Anh T hải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ và thẩm định giá, số tiền này anh T đã thanh toán cho chị Vũ Thị An.

- Chị Vũ Thị A phải nộp 5.350.000đ (năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền thẩm định giá, thẩm định.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Y, bà Vũ Thị H theo quy định tại điểm d khoản 1 – Điều 12 – Nghị quyết 326/ /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Các đương sự thỏa thuận với nhau trước khi mở phiên tòa nên anh Vũ Xuân T phải nộp 50% số án phí. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Vũ Xuân T phải nộp là: 25.980.000đ x 50% = 12.990.000 đ (mười hai triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- Đường sự;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa